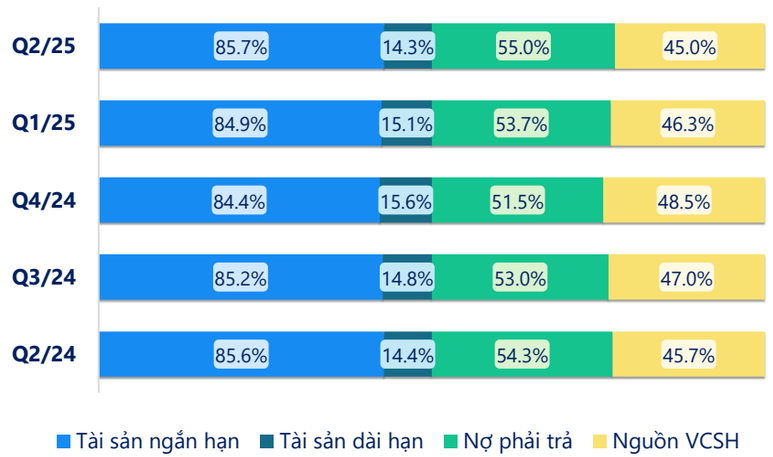
FireAnt

CTCP Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Cửu Long An Giang (HSX: ACL)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	11,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,000
SL cổ phiếu LH	50,159,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)	59,735
% sở hữu nước ngoài	2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	554
P/E	38.1
EPS	290

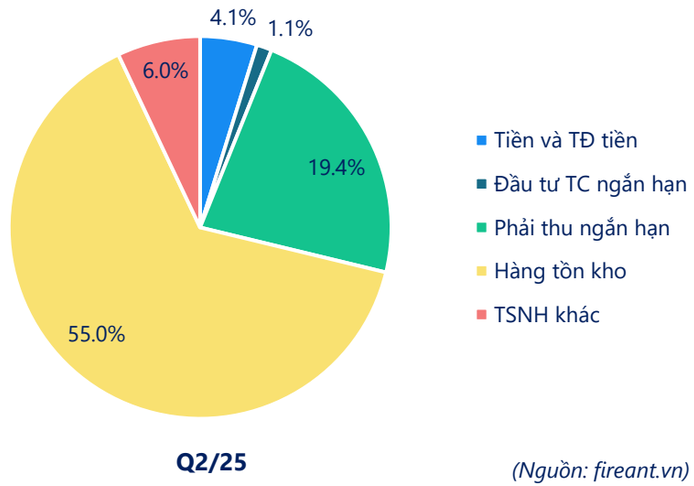
	YTD	1T	3T	6T
ACL	-6.8%	3.8%	-0.5%	-6.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



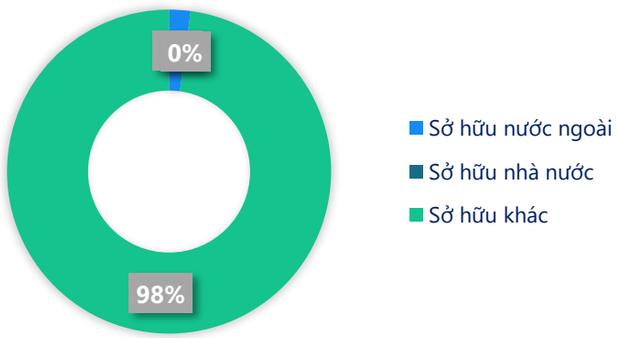
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



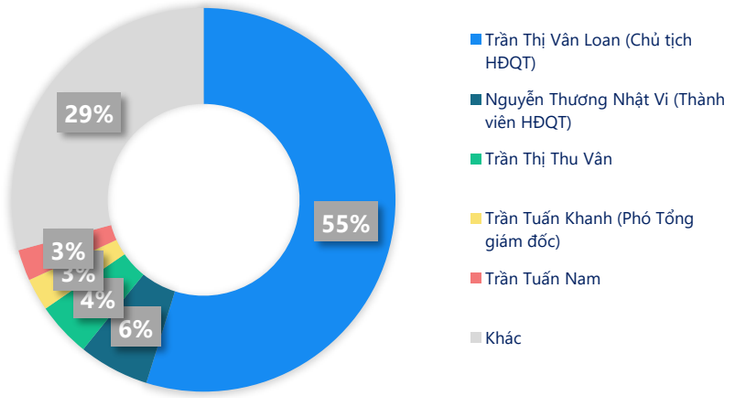
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



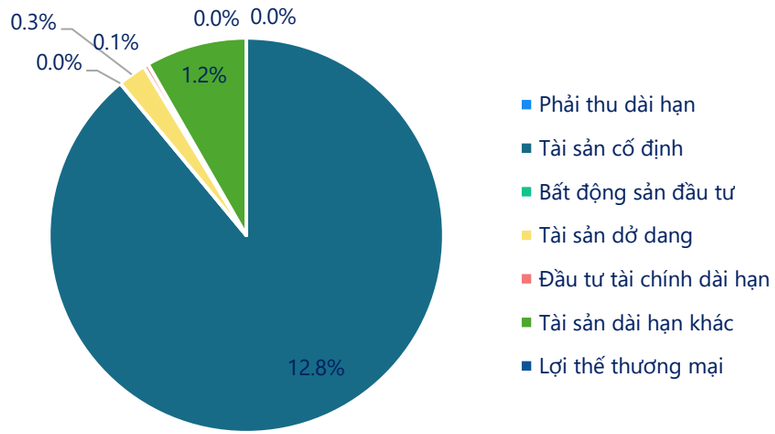
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

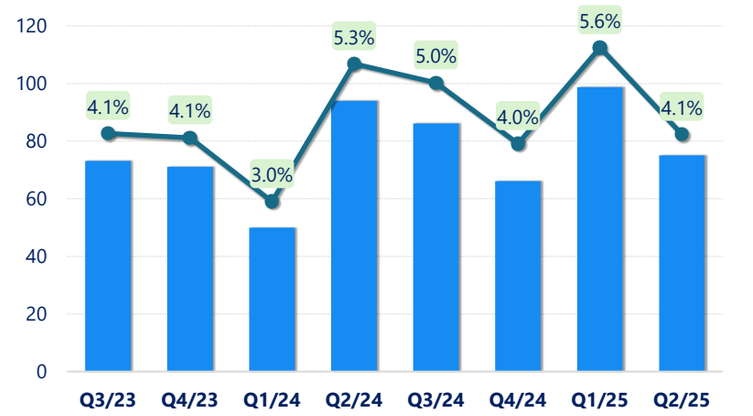


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

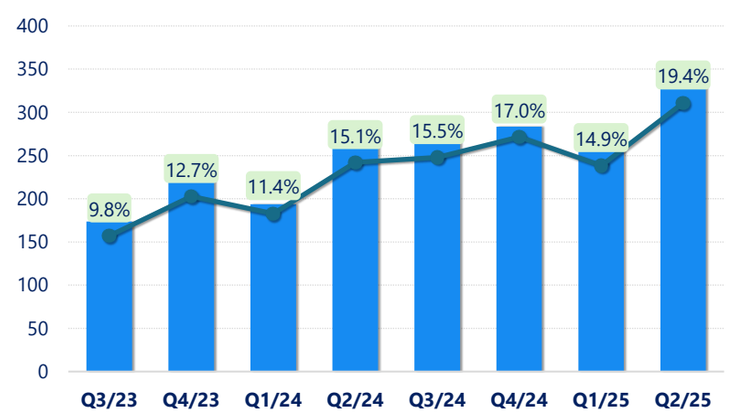
CTCP Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Cửu Long An Giang (HSX: ACL)

Tiền và tương đương tiền



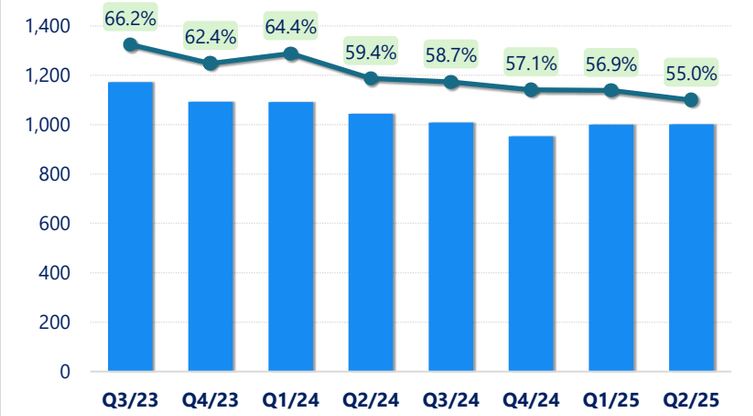
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



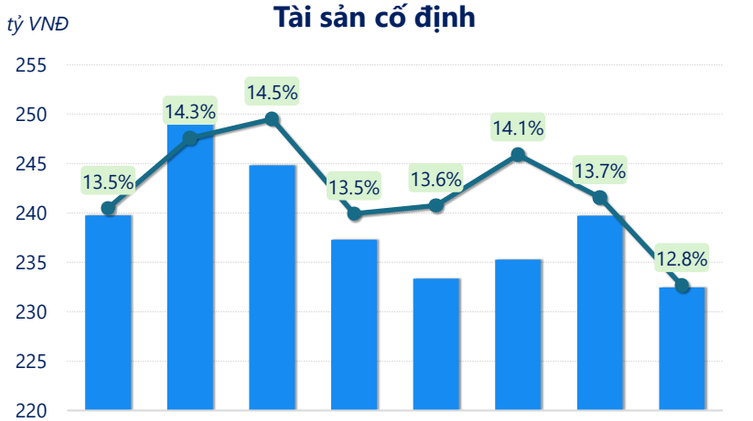
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



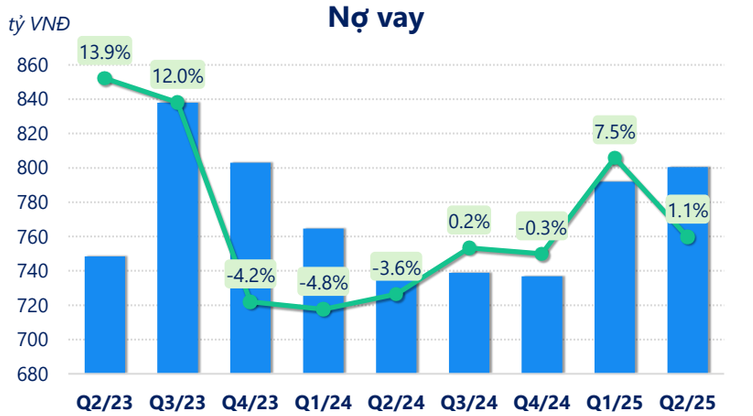
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



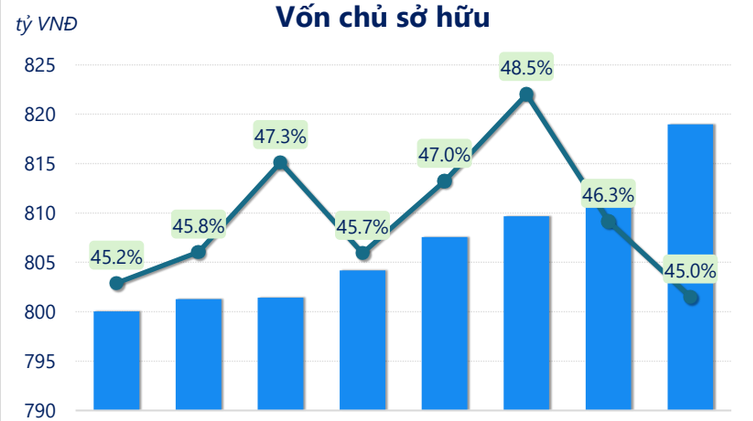
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

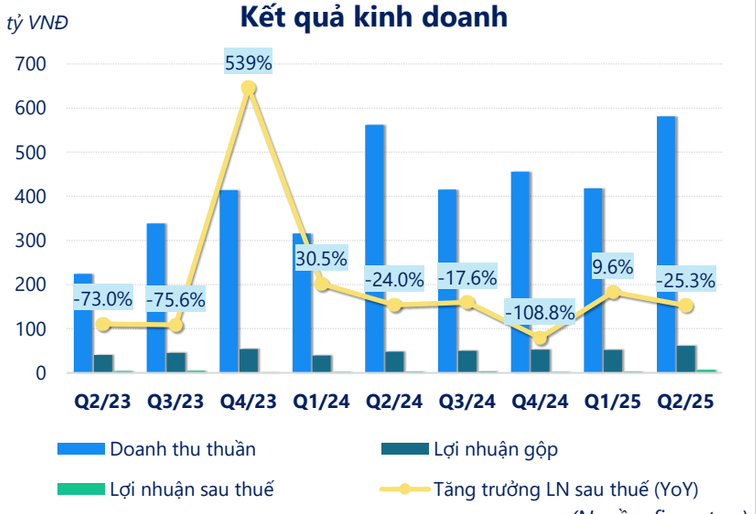


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

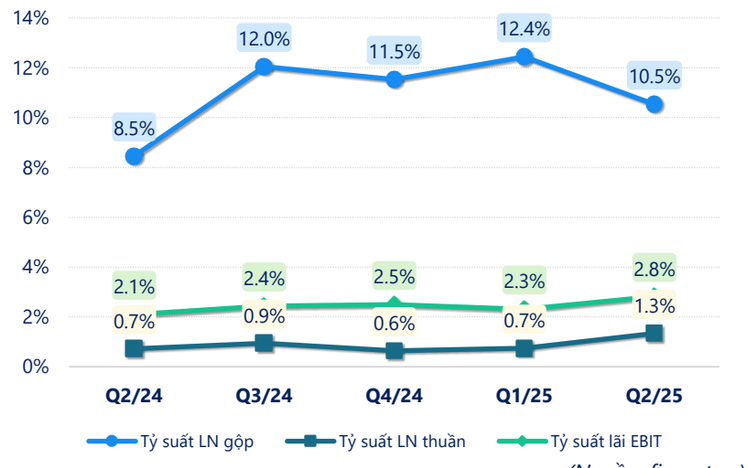
CTCP Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Cửu Long An Giang (HSX: ACL)

Kết quả kinh doanh



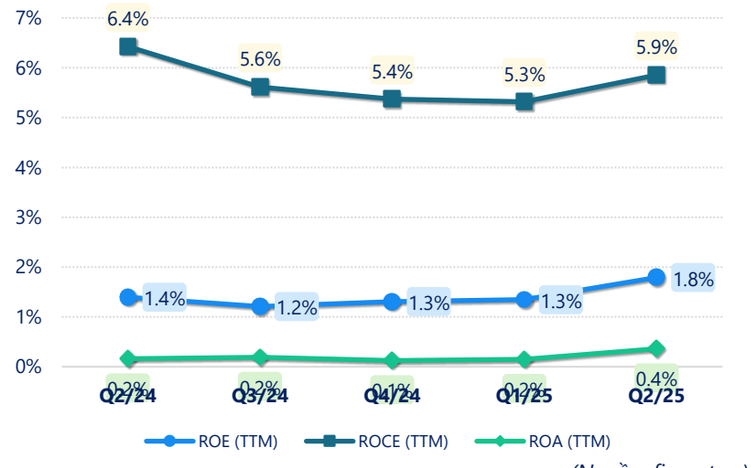
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



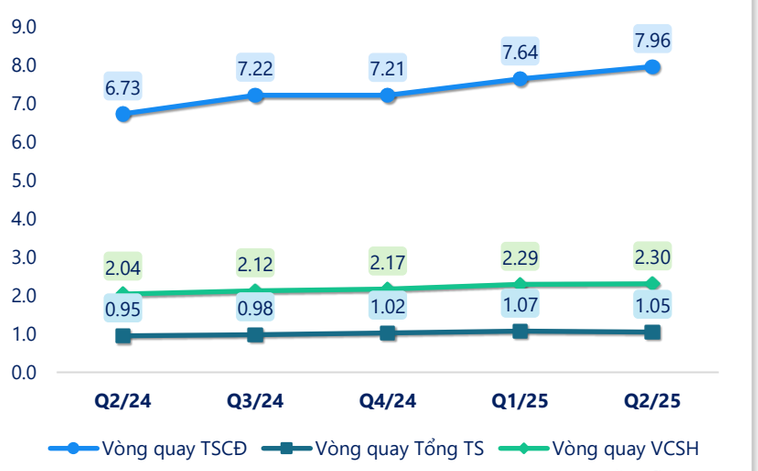
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



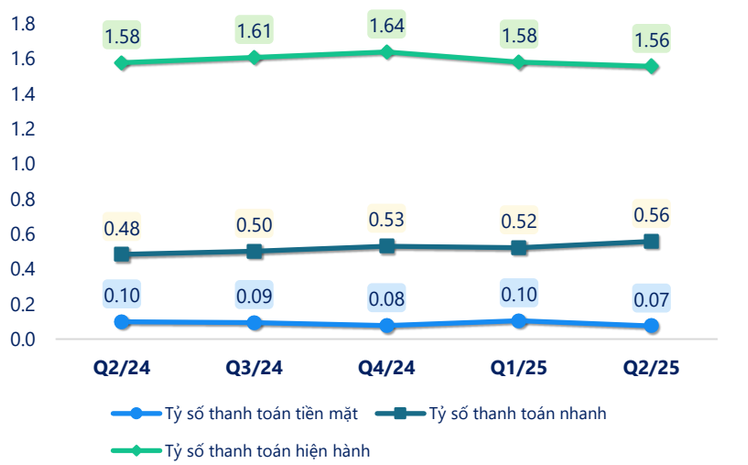
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



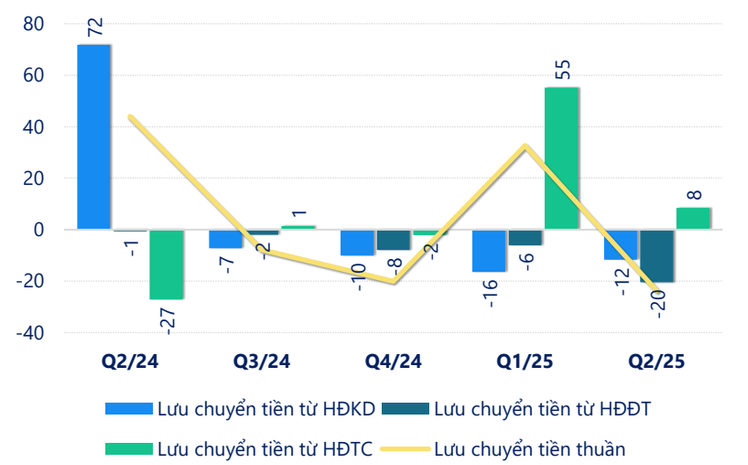
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Cửu Long An Giang (HSX: ACL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,821**	**1,664**	**9.4%**
Tài sản ngắn hạn	1,560	1,404	11.1%
Tiền và tương đương tiền	75.0	66.1	13.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	0	
Phải thu ngắn hạn	354	278	27.5%
Hàng tồn kho	1,001	953	5.0%
Tài sản ngắn hạn khác	110	107	2.9%
Tài sản dài hạn	**261**	**260**	**0.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	232	235	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.10	10.3	-41.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	1.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**21.7**	**13.8**	**57.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,002	854	17.3%
Nợ ngắn hạn	**1,002**	**854**	**17.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	800	737	8.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	155	69.5	124%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**819**	**810**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**819**	**810**	**1.1%**
Vốn điều lệ	502	502	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	562	415	455	418	581
Giá vốn hàng bán	514	365	403	366	520
Lợi nhuận gộp	47.5	50.0	52.5	52.0	61.2
Doanh thu HĐTC	7.13	1.02	7.73	2.94	5.72
Chi phí TC	7.91	8.41	9.45	7.76	9.00
Chi phí lãi vay	7.78	6.26	8.60	6.78	8.77
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	28.3	28.8	37.3	28.9	33.3
Chi phí QLDN	14.4	9.92	10.6	15.2	16.8
LN thuần từ HĐKD	4.05	3.91	2.92	3.11	7.79
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.07	-0.18	-0.23	-0.16
LN trước thuế	4.01	3.84	2.75	2.88	7.63
Lợi nhuận sau thuế	2.78	3.35	2.13	2.59	6.47
LNST của CĐ cty mẹ	2.78	3.35	2.13	2.59	6.47

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	71.8	-7.25	-10.1	-16.4	-11.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.61	-1.96	-7.90	-6.12	-20.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-27.2	1.39	-2.08	55.2	8.45
Tiền đầu kỳ	50.0	94.0	86.2	66.1	98.7
Lưu chuyển tiền thuần	**44.0**	**-7.82**	**-20.1**	**32.6**	**-23.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.04	0	0.00
Tiền cuối kỳ	94.0	86.2	66.1	98.7	75.0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic